

**TÀI LIỆU TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI LỚP 6**  
**DẪY PHÂN SỐ THEO QUY LUẬT**  
**Liên hệ đăng kí học: 0832.64.64.64**

Họ và tên: ..... Ngày học: .....

**Câu 1.** Ta viết lần lượt các phân số sau:

$$\frac{1}{1}; \frac{2}{2}; \frac{1}{2}; \frac{3}{1}; \frac{2}{2}; \frac{1}{2}; \frac{4}{1}; \frac{3}{2}; \frac{2}{3}; \frac{1}{4}; \dots \text{ Số } \frac{1990}{1930} \text{ đứng ở vị trí nào trong các phân số trên?}$$

**Câu 2.** Cho dãy số:  $\frac{2}{5}; \frac{6}{9}; \frac{10}{13}; \frac{14}{17}; \dots$  Tìm số hạng thứ 45 của dãy.

**Câu 3.** Cho dãy số:  $\frac{5}{9}; \frac{8}{12}; \frac{11}{15}; \frac{14}{18}; \dots$  Tìm số hạng thứ 48 của dãy.

**Câu 4.** Tính tổng sau:

a.  $A = \frac{8}{3 \times 7} + \frac{8}{7 \times 11} + \dots + \frac{8}{95 \times 99}$

b.  $B = \frac{1}{10} + \frac{1}{40} + \frac{1}{88} + \frac{1}{154} + \frac{1}{238} + \frac{1}{340}$

**Câu 5.** Tính tổng sau:

a.  $C = \frac{1}{2 \times 4 \times 6} + \frac{1}{4 \times 6 \times 8} + \dots + \frac{1}{(2n-2)2n(2n+2)}$

b.  $D = \frac{1}{1 \times 2 \times 3 \times 4 \times 5} + \frac{1}{2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6} + \dots + \frac{1}{n(n+1)(n+2)(n+3)(n+4)}$

**Câu 6.** Tính  $E = \frac{3}{(1 \times 2)^2} + \frac{5}{(2 \times 3)^2} + \dots + \frac{2n+1}{(n(n+1))^2}$

**Câu 7.** So sánh F và G biết:

$$F = 124 \left( \frac{1}{1 \times 1985} + \frac{1}{2 \times 1986} + \dots + \frac{1}{16 \times 2000} \right)$$

$$G = \frac{1}{1 \times 17} + \frac{1}{2 \times 18} + \dots + \frac{1}{1984 \times 2000}$$

**Câu 8.** So sánh A và B biết

$$A = \frac{2}{60.63} + \frac{2}{63.66} + \dots + \frac{2}{117.120} + \frac{2}{2003}; B = \frac{5}{40.44} + \frac{5}{44.48} + \dots + \frac{5}{76.80} + \frac{5}{2003}$$

Tính  $\frac{A}{B}$  ?

**TÀI LIỆU TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI LỚP 6**  
**GÓC, SỐ ĐO GÓC**  
Liên hệ đăng kí học: 0832.64.64.64

Họ và tên: .....Ngày học:.....

**A. Lí thuyết**

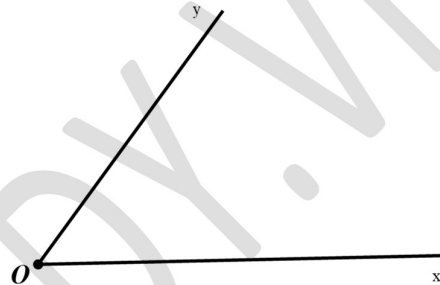
**1. Góc** là hình gồm hai tia chung gốc. Góc chung của hai tia gọi là *đỉnh* của góc. Hai tia là hai *cạnh* của góc.

Trên hình, ta có: góc xOy

Kí hiệu:  $\widehat{xOy}$  ;

Đỉnh của góc: đỉnh O

Các cạnh: Ox, Oy



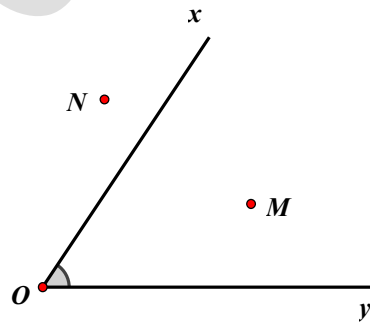
- Góc **bẹt** là góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.

**2. Điểm nằm bên trong góc**

Điểm trong của một góc không bẹt

- M là một điểm trong của góc xOy (điểm M nằm bên trong góc xOy)

- Các điểm nằm trên hai cạnh của góc và các điểm như điểm N không phải là điểm trong của góc xOy.



**3. Số đo của một góc**

Mỗi góc có một số đo xác định và là số dương.

Số đo của một góc không

Góc bẹt có số đo là  $180^0$  .

Hai tia trùng nhau được coi là góc có số đo bằng  $0^0$  .

Nếu hai góc A và B có số đo bằng nhau thì ta nói hai góc đó bằng nhau và viết  $\widehat{A} = \widehat{B}$  .

Nếu góc A có số đo nhỏ hơn số đo của góc B thì ta nói góc A nhỏ hơn góc B và viết  $\widehat{A} < \widehat{B}$  . Khi đó ta

còn nói góc B lớn hơn góc A và viết  $\widehat{B} > \widehat{A}$  .

**4. Các góc đặc biệt**

+ Góc nhọn có số đo lớn hơn  $0^0$  và nhỏ hơn  $90^0$  .

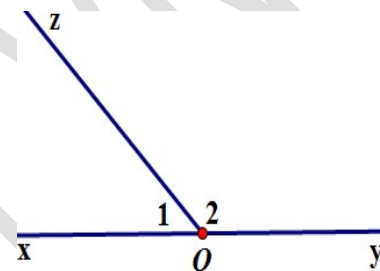
- + Góc vuông là góc có số đo bằng  $90^0$ .
- + Góc tù có số đo lớn hơn  $90^0$  và nhỏ hơn  $180^0$ .
- + Góc bẹt là góc có số đo bằng  $180^0$  (Hai cạnh của góc là hai tia đối nhau).

**B. Các dạng bài tập**

**Dạng 1. Nhận biết góc**

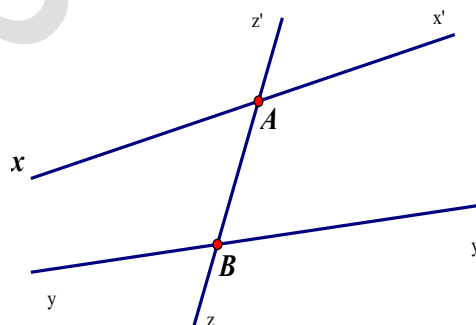
**Câu 3.** Quan sát hình vẽ rồi điền vào bảng sau các góc có trong hình vẽ

Tên góc (cách viết thông thường)	Kí hiệu	Tên đỉnh	Tên cạnh
Góc xOz, góc zOx, góc O <sub>1</sub>	$\widehat{xOz}, \widehat{zOx}, \widehat{O_1}$	O	Ox, Oz



**Câu 4.** Cho hình vẽ sau:

- a) Nêu tên các góc đỉnh A trong hình? Trong các góc đó góc nào là góc bẹt?
- b) Góc xAz và góc yBz có chung cạnh nào không?
- c) Kể tên bốn cặp góc có chung cạnh.



**Dạng 2. Xác định các điểm nằm bên trong góc cho trước**

**Dạng 3: Đo góc cho trước**

**Thầy Nguyễn Văn Minh**